

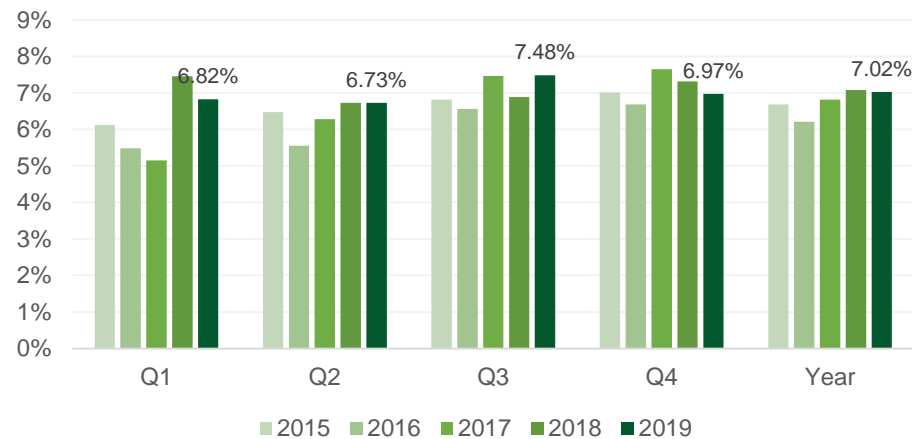
TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2019

- *Tăng trưởng GDP năm 2019 đạt 7.02% YoY, cao thứ 2 trong 9 năm*
- *Sản xuất công nghiệp năm 2019 tăng 9.1%, giảm tốc cùng ngành chế biến chế tạo*
- *PMI bình quân trong năm 2019 ở mức 51.5, thấp hơn mức 53.8 của năm 2018*
- *Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ duy trì tăng trưởng tích cực*
- *CPI tăng những tháng cuối năm do giá thực phẩm đặc biệt là thịt lợn tăng*
- *Thặng dư thương mại đạt kỷ lục 9.9 tỷ USD*
- *FDI giải ngân tháng 12 và cả năm đạt mức kỷ lục*
- *Tăng trưởng tín dụng năm 2019 thấp, dưới 14%*
- *Tỷ giá bình ổn và dự trữ ngoại hối lên mức kỷ lục 80 tỷ USD*

Tăng trưởng GDP năm 2019 đạt 7.02% YoY, cao thứ 2 trong 9 năm

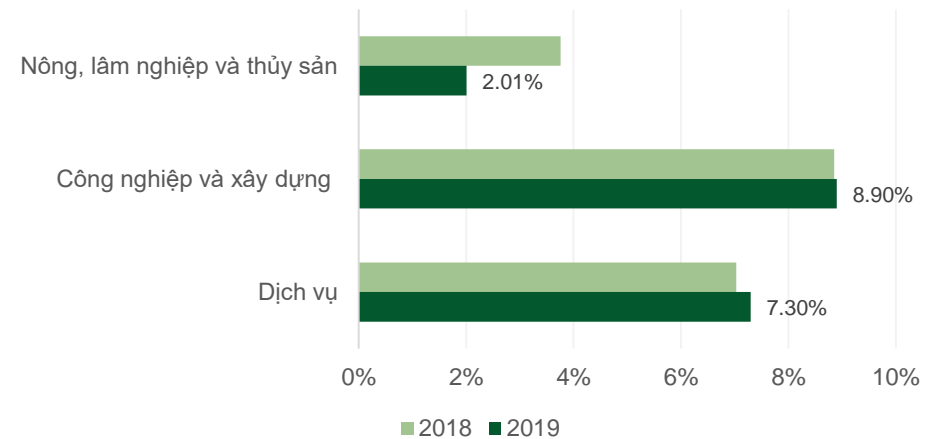
- ✓ GDP năm 2019 tăng 7.02% (GDP Q1 tăng 6.82%, Q2 tăng 6.73%; Q3 tăng 7.48%; Q4 tăng 6.97%). Mức tăng năm 2019 chỉ thấp hơn mức tăng 7.08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm giai đoạn 2011-2017 và vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6.6%-6.8%.
- ✓ Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm tốc do hạn hán, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng cây trồng, ngành chăn nuôi chịu thiệt hại nặng nề bởi dịch tả lợn châu Phi nhưng khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ đạt tăng trưởng cao dẫn dắt đà tăng chung.
- ✓ Cụ thể, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.01% (năm 2018 tăng 3.76%), đóng góp 4.6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8.9% (năm 2018 tăng 8.85%), đóng góp 50.4%; khu vực dịch vụ tăng 7.3% (năm 2018 tăng 7.03%), đóng góp 45%.

Tăng trưởng GDP



Nguồn: Tổng cục Thống kê

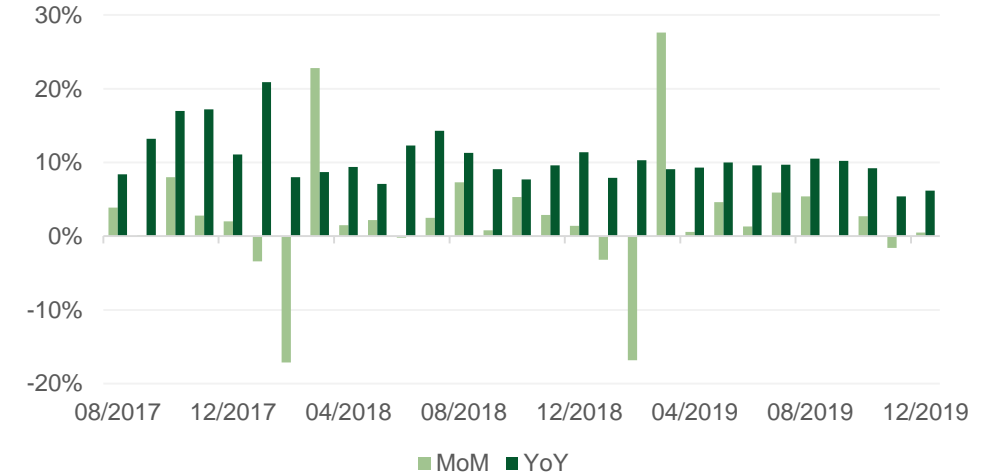
Tăng trưởng các khu vực kinh tế



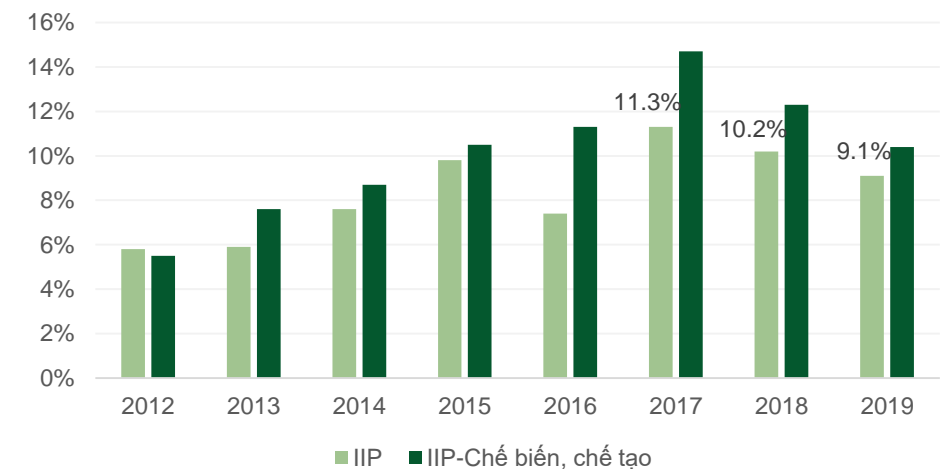
Nguồn: Tổng cục Thống kê

- ✓ IIP tháng 12/2019 ước tính tăng 0.5% MoM và tăng 6.2% YoY, thấp hơn mức tăng của cùng kỳ 2018 lần lượt là 1.4% MoM và 11.4% YoY. Dấu hiệu giảm tốc cũng đã xuất hiện kể từ tháng 11/2019 do đầu tàu ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng chậm lại còn ngành khai khoáng dù giữ được tăng trưởng dương nhưng cũng ghi nhận sự giảm tốc trong quý 4.
- ✓ Tính chung cả năm 2019, IIP ước tính tăng 9.1%, thấp hơn so với mức tăng trưởng 10.2% của năm 2018. Nguyên nhân do ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm tốc, chỉ tăng 10.4% trong khi cùng kỳ 2018 tăng 12.3%, ngành sản xuất và phân phối điện cũng có tốc độ tăng trưởng chậm lại với mức tăng 8.7% so với mức 10% năm 2018. Dù vậy, điểm sáng là tăng trưởng dương của ngành khai khoáng sau nhiều năm giảm liên tục do khai thác than tăng cao bù đắp sự sụt giảm của khai thác dầu thô. Cụ thể, khai khoáng tăng 0.9% trong khi giảm 2% trong năm 2018.
- ✓ Nhìn chung, sản xuất công nghiệp đang có dấu hiệu giảm tốc do sự tăng trưởng chậm lại của nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Phản ánh tình hình suy giảm của chỉ số PMI kể từ tháng 8/2019, bị ảnh hưởng bởi thương mại toàn cầu đang sụt giảm do tác động từ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)



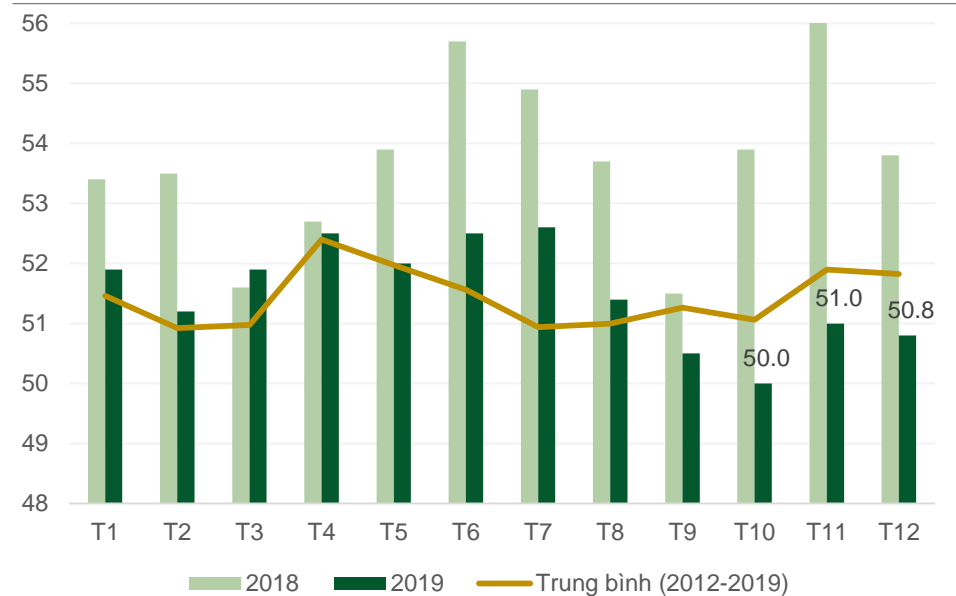
Chỉ số sản xuất công nghiệp theo năm (IIP)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

- ✓ PMI sản xuất của Việt Nam trong tháng 12 đạt 50.8 điểm, giảm nhẹ so với mức 51 điểm trong tháng 11 nhưng vẫn trên 50 cho thấy mức cải thiện nhỏ của sức khỏe lĩnh vực sản xuất.
- ✓ Số lượng đơn đặt hàng mới vào tháng 12 tăng tháng thứ 49 liên tiếp với tốc độ tăng nhanh nhất 4 tháng do nhu cầu khách hàng tăng trong mùa lễ Tết. Tuy nhiên, sản lượng giảm nhẹ và là lần giảm thứ ba trong 4 tháng qua do những vấn đề với dây chuyền sản xuất.
- ✓ Chi phí đầu vào tăng mạnh vào cuối năm, với tốc độ tăng nhanh hơn và trở thành mức cao của 7 tháng. Tuy nhiên, tốc độ lạm phát vẫn yếu hơn mức trung bình của lịch sử chỉ số.
- ✓ PMI các tháng trong năm 2019 đều duy trì trên 50 cho thấy lĩnh vực sản xuất vẫn duy trì mở rộng nhưng tốc độ tăng đã chậm lại. PMI bình quân trong năm 2019 ở mức 51.5 thấp hơn mức 53.8 của năm 2018 và thấp nhất trong giai đoạn 2014-2019 do tác động tiêu cực từ đà giảm tốc toàn cầu.

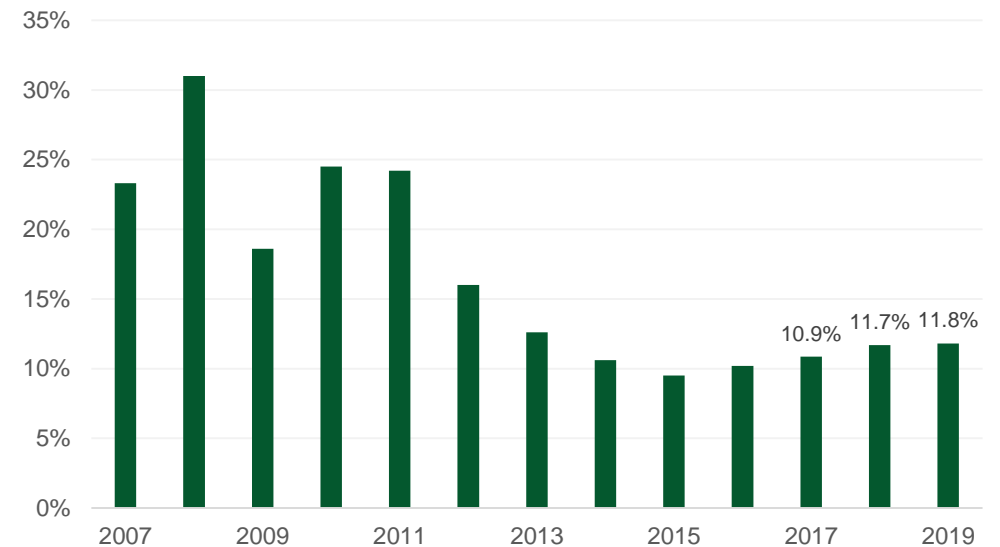
Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI)



Nguồn: IHS Markit

- ✓ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2019 đạt 4,940 nghìn tỷ đồng, tăng 11.8% YoY, mức tăng cao nhất trong 6 năm qua.
- ✓ Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2019 đạt 3,751 nghìn tỷ đồng, chiếm 75.9% tổng số và tăng 12.7% YoY. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 586.7 nghìn tỷ đồng, chiếm 11.9% tổng số và tăng 9.8% YoY còn doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 46 nghìn tỷ đồng, chiếm 0.9% tổng số và tăng 12.1% YoY. Doanh thu dịch vụ khác năm 2019 ước tính đạt 556,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 11.3% tổng mức và tăng 8.5% so với năm 2018.
- ✓ Nếu loại trừ yếu tố giá, Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9.2%, cao hơn mức tăng 8.4% của năm 2018 và cao thứ 2 trong 9 năm qua.
- ✓ Nhìn chung, hoạt động thương mại, dịch vụ của cả nước năm 2019 tiếp tục phát triển ổn định và tăng trưởng tích cực, cho thấy nhu cầu tiêu dùng vẫn mạnh mẽ, qua đó hỗ trợ tăng trưởng đạt mức cao trong năm 2019.

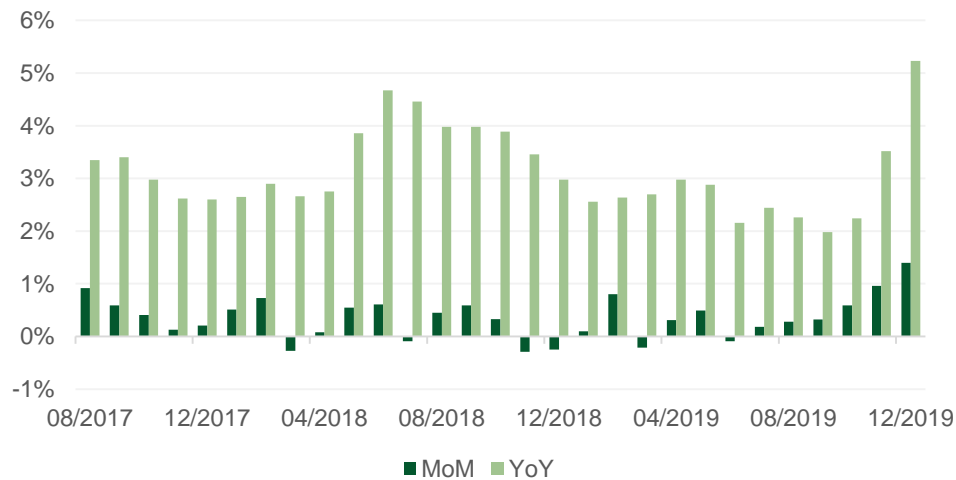
Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa dịch vụ theo năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

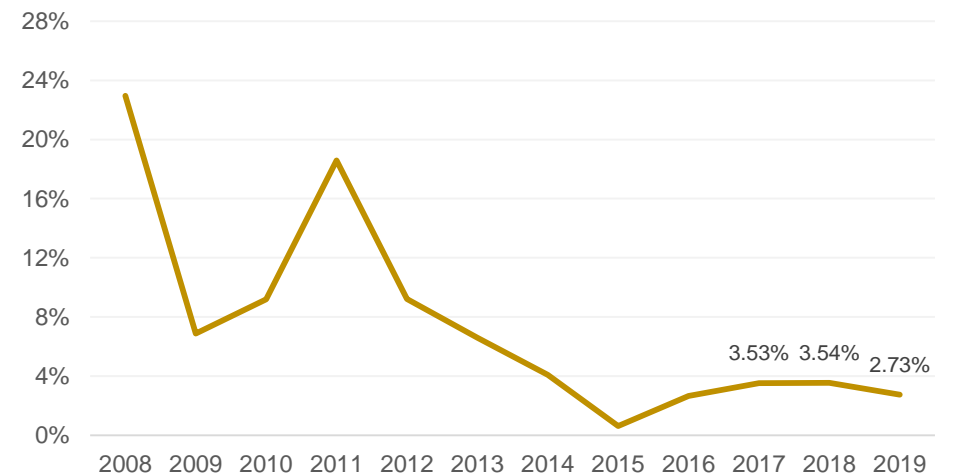
- ✓ CPI tháng 12/2019 tăng 1.4% MoM, là mức cao nhất của tháng 12 trong 9 năm. Trong đó, 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có CPI tháng 12 tăng so với tháng trước, bao gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao nhất 3.42% do giá thịt lợn liên tục tăng cao.
- ✓ So với cùng kỳ 2018, CPI tháng 12 tăng 5.23% YoY, mức cao nhất của tháng 12 trong 6 năm qua. Bên cạnh nhóm hàng ăn và dịch vụ tăng mạnh 9.17% YoY thì nhóm nhà ở và VLXD cũng tăng mạnh 5.12%, theo sau là nhóm giáo dục (+4.25%). Trong khi đó, CPI bình quân năm 2019 tăng 2.79%.
- ✓ Nhìn chung, áp lực lạm phát gia tăng những tháng cuối năm đặc biệt là trong tháng 11, 12 đi cùng diễn biến tăng của giá thịt lợn do dịch tả lợn Châu Phi hoành hành và nhu cầu gia tăng vào dịp lễ Tết cuối năm. Tuy nhiên, CPI cả năm vẫn nằm trong tầm kiểm soát của Chính Phủ với CPI bình quân chỉ ở mức 2.79%, thấp hơn so với chỉ tiêu Quốc hội đề ra (dưới 4%) và cũng là mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

CPI bình quân theo năm

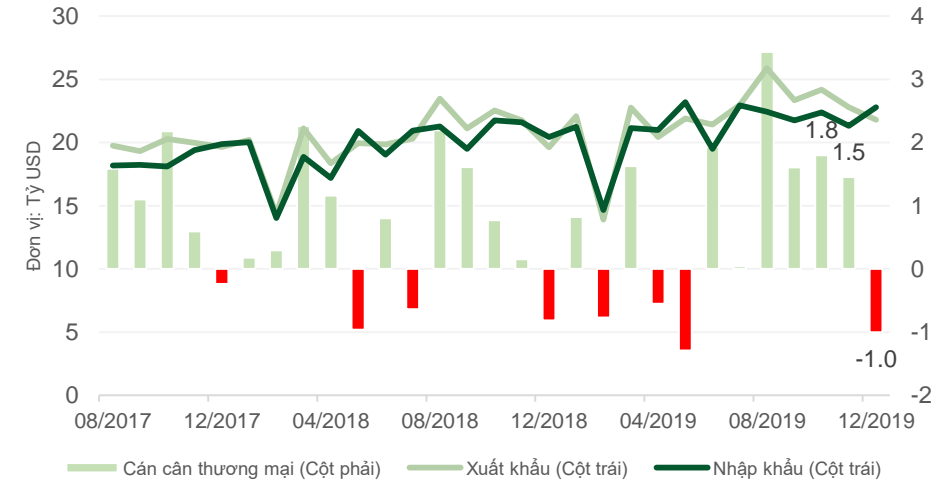


Nguồn: Tổng cục Thống kê

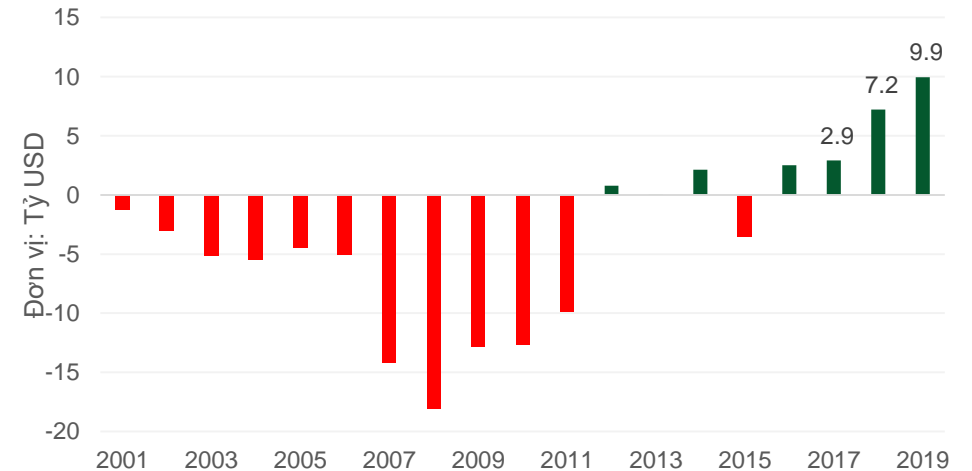
Thặng dư thương mại đạt kỷ lục 9.9 tỷ USD

- ✓ Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12 ước đạt 21.80 tỷ USD, giảm 4.4% MoM và tăng 10.1% YoY. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 12 ước tính đạt 22.80 tỷ USD, tăng 6.8% MoM và tăng 11% YoY. Sau 6 tháng xuất siêu liên tiếp, cán cân thương mại trở lại trạng thái nhập siêu trong tháng 12, ước tính 1 tỷ USD.
- ✓ Tính chung cả năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 263.45 tỷ USD, tăng 8.1% YoY, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 253.51 tỷ USD, tăng 7% YoY. Theo đó, cán cân thương mại hàng hóa cả năm ước tính xuất siêu 9.9 tỷ USD, đạt mức kỷ lục từ trước đến nay.
- ✓ Năm 2019 ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế trong nước trong lĩnh vực xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng đạt tới 17.7%, cao hơn rất nhiều tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (4.2%). Tuy nhiên, do tỷ trọng của khối FDI vẫn rất lớn nên tăng trưởng xuất khẩu chung cả năm vẫn ghi nhận sự giảm tốc, còn 8.1% so với mức tăng 14.3% của năm 2018.
- ✓ Trong bối cảnh thương mại toàn cầu giảm tốc do tác động từ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam ghi nhận tăng trưởng tích cực với mức xuất siêu kỷ lục, ước đạt 9.9 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu sang Mỹ (thị trường XK chủ lực) tăng mạnh 27.8% (năm 2018 tăng 14.2%) trong khi các thị trường lớn khác như EU, Trung Quốc đều giảm tốc còn nhập khẩu từ Trung Quốc (thị trường NK chủ lực) tăng 14.9%, cao hơn mức tăng 12.3% của năm 2018. Dù vậy, tình hình xuất khẩu năm tới vẫn chịu nhiều áp lực theo đà giảm tốc chung của kinh tế thế giới.

Xuất nhập khẩu



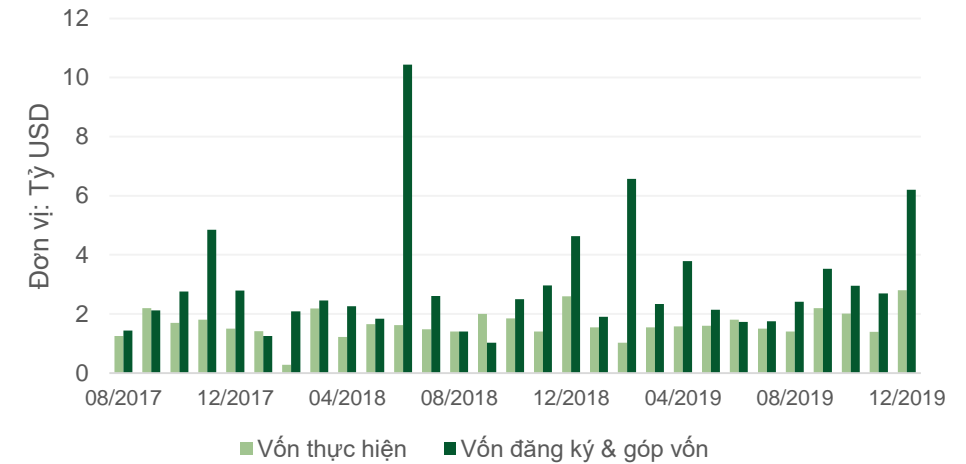
Thặng dư thương mại



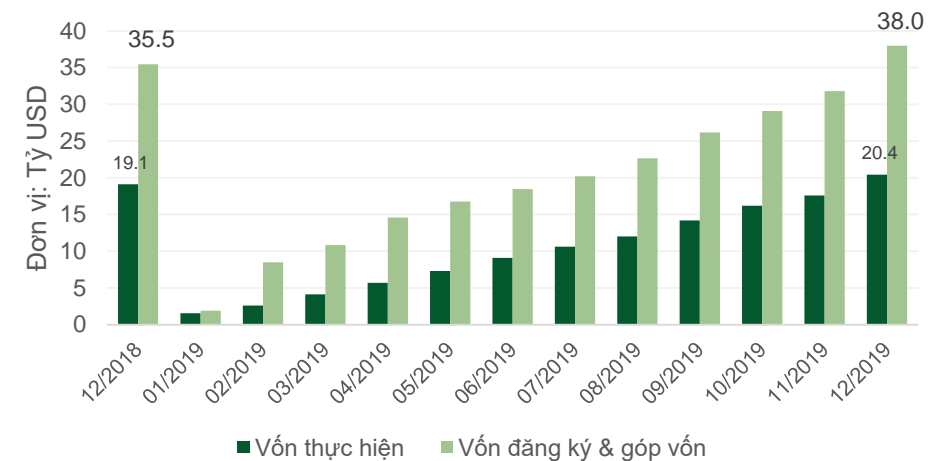
Nguồn: Tổng cục Thống kê

- ✓ Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến 20/12/2019 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần đạt 38 tỷ USD, tăng 7.2% YoY. Vốn giải ngân năm 2019 đạt kỷ lục, ước tính 20.4 tỷ USD, tăng 6.7% YoY. Tính riêng giải ngân vốn FDI trong tháng 12 đạt 2.8 tỷ USD, là mức giải ngân theo tháng cao nhất từ trước đến nay.
- ✓ Nếu loại trừ giá trị góp vốn, mua cổ phần, tổng vốn đăng ký năm 2019 đạt 22.5 tỷ, giảm 11.8% so với năm 2018. Trái lại, giá trị góp vốn, mua cổ phần tăng mạnh 57% YoY lên 15.5 tỷ USD, chiếm 41% tổng vốn đăng ký (năm 2018 chiếm 25%).
- ✓ Lượng vốn đầu tư vẫn tập trung nhiều nhất vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với tổng số vốn đạt 17.5 tỷ USD, chiếm 77.5% tổng vốn đầu tư đăng ký. Theo sau là ngành bán buôn, bán lẻ đạt 1.2 tỷ USD, chiếm 5.1%. Còn đối với hình thức góp vốn mua cổ phần, thì ngành công nghiệp chế biến chế tạo (chiếm 45.8%) và bất động sản (chiếm 17.8%) thu hút nhiều nhất lượng vốn góp nhất.
- ✓ Hàn Quốc dẫn đầu với tổng vốn đầu tư 7.92 tỷ USD, chiếm 20.8% tổng vốn đầu tư. Hong Kong đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 7.87 tỷ USD. Đứng vị trí thứ ba là Singapore, và tiếp sau là Nhật Bản, Trung Quốc...
- ✓ Nhìn chung, vốn đăng ký có dấu hiệu sụt giảm, thay thế bằng sự gia tăng của góp vốn và mua cổ phần chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng vốn, tăng lên 57% từ con số 28% năm 2018. Điểm sáng là vốn giải ngân năm 2019 duy trì tăng trưởng và lên mức kỷ lục 20 tỷ USD.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo tháng (FDI)



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lũy kế (FDI)

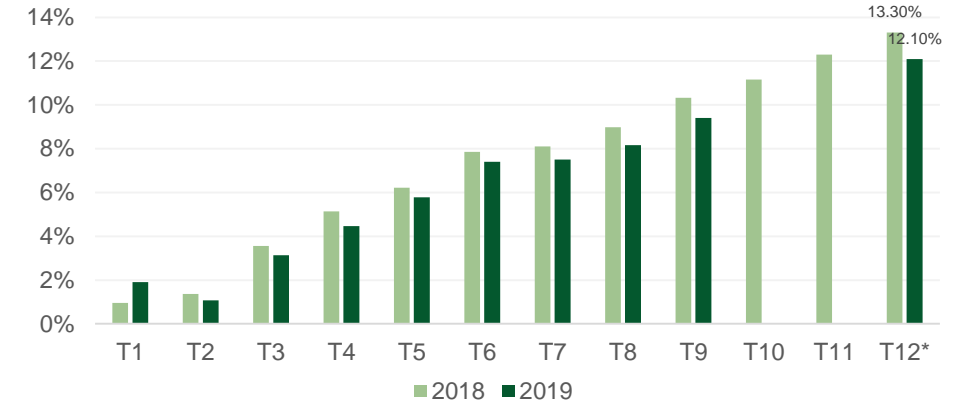


Nguồn: Tổng cục Thống kê

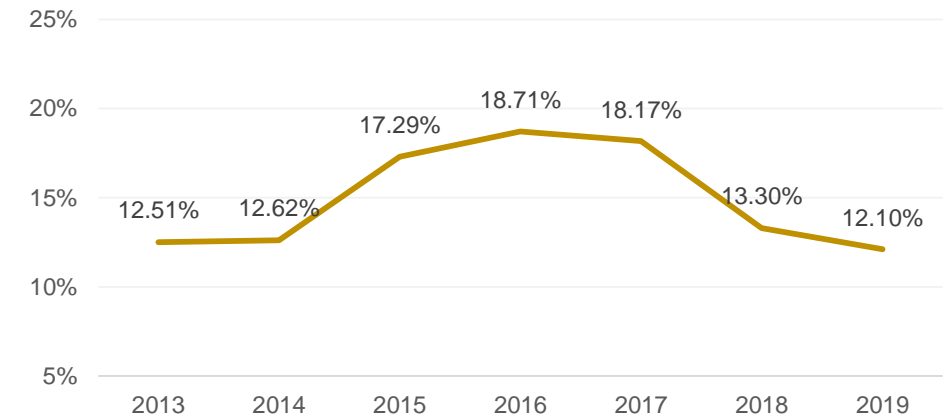
Tăng trưởng tín dụng năm 2019 thấp, dưới 14%

- ✓ Theo tổng cục thống kê, tính đến ngày 20/12/2019, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 12.1% (cùng kỳ năm 2018 tăng 13.3%), thấp hơn mức mục tiêu 14% của Ngân hàng Nhà nước.
- ✓ Năm 2019, NHNN đã ban hành các văn bản điều chỉnh giảm lãi suất. Cụ thể, trong năm 2019, NHNN đã 3 lần giảm lãi suất tín phiếu, từ 3% xuống 2.25%; một lần giảm 0.25 điểm phần trăm các lãi suất điều hành khác như lãi suất tái cấp vốn, tái chiết khấu và lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng; đặc biệt là một lần hạ trần lãi suất huy động dưới 6 tháng và lãi suất cho vay năm lĩnh vực ưu tiên. Chiều 18/11, NHNN giảm lãi suất tiền gửi về 5%/năm từ 5.5%/năm, cho vay lĩnh vực ưu tiên giảm về 6%/năm từ 6.5%/năm. Sau đó, ngày 26/11, NHNN giảm lãi suất trên thị trường mở thứ 2 trong năm 2019, giảm từ 4.5% xuống 4%.
- ✓ Theo đó, nhiều ngân hàng thương mại đã đồng loạt công bố giảm lãi suất cho vay góp phần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay Việt Nam đồng phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.
- ✓ Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro (chứng khoán, bất động sản và cho vay tiêu dùng) được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng.

Tăng trưởng tín dụng lũy kế



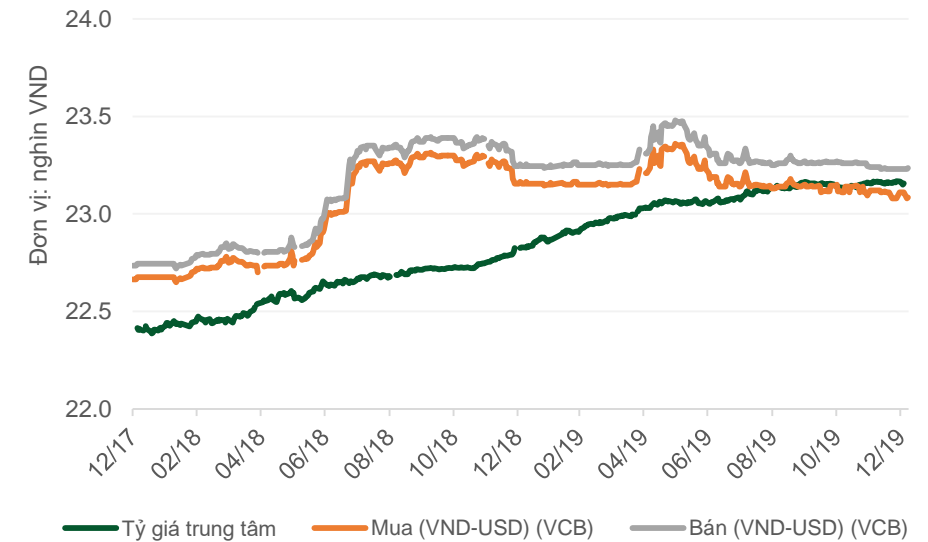
Tăng trưởng tín dụng theo năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

- ✓ Tỷ giá USD/VND không mấy biến động trong năm 2019. Trong đó, tỷ giá trung tâm vào ngày 31/12 ghi nhận 23,165 (+1.49% YoY) còn tỷ giá giao dịch của Vietcombank vào cuối năm là 23,110 (-0.19% YoY). Trong năm 2019, FED giảm lãi suất 3 lần giúp giảm áp lực lên tỷ giá.
- ✓ Ngoài ra, tỷ giá ổn định nhờ nguồn cung USD dồi dào. Bên cạnh mức thặng dư thương mại 9.9 tỷ USD, dòng vốn FDI giải ngân 20 tỷ USD thì dòng kiều hối tiếp tục chảy mạnh vào Việt Nam cũng hỗ trợ tích cực cho tỷ giá. Theo đó, kiều hối ước đạt 16.7 tỷ USD trong năm 2019, tăng 35% so với trung bình giai đoạn 2011-2019. Những năm gần đây, Việt Nam luôn đứng trong top đầu thế giới các nước nhận kiều hối.
- ✓ Ngân hàng Nhà nước đã mua được lượng lớn ngoại tệ gần 20 tỷ USD trong năm 2019, nâng dự trữ ngoại hối lên mức kỷ lục 80 tỷ USD, tương đương khoảng 14 tuần nhập khẩu. So với cuối năm 2016, quy mô dự trữ ngoại hối hiện nay đã gấp hơn hai lần.

Tỷ giá trung tâm



Nguồn: Fiinpro

- ✓ *Kinh tế Việt Nam năm 2019 duy trì tăng trưởng tích cực trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy giảm do căng thẳng thương mại Mỹ-Trung với GDP tăng hơn 7.02%, vượt kế hoạch tăng trưởng 6.6%-6.8% của Chính Phủ và mức kỳ vọng 6.8% của các tổ chức lớn.*
- ✓ *Cán cân thương mại ghi nhận mức xuất siêu kỷ lục 9.9 tỷ USD, trong đó xuất khẩu sang thị trường chủ lực là Mỹ tăng mạnh 27.8% YoY. Trong năm 2019, Việt Nam cũng ký kết hiệp định tự do Việt Nam – EU (EVFTA) kỳ vọng giúp xuất khẩu tăng trưởng mạnh mẽ hơn. Ngoài ra, thu hút vốn đầu tư nước ngoài duy trì tăng trưởng đi đầu là dòng vốn chảy vào khu vực công nghiệp, chế biến chế tạo còn giải ngân vốn FDI trong năm 2019 đạt mức cao kỷ lục. Bên cạnh mức thặng dư thương mại và FDI giải ngân đạt kỷ lục thì dòng kiều hối tiếp tục chảy mạnh vào Việt Nam tạo nguồn cung USD lớn, hỗ trợ tỷ giá duy trì ổn định.*
- ✓ *Tăng trưởng cao nhưng không đi kèm lạm phát với CPI bình quân năm 2019 chỉ tăng 2.79%, thấp hơn chỉ tiêu Quốc hội đề ra là 4%. Dù vậy, áp lực lạm phát gia tăng những tháng cuối năm trong bối cảnh giá thực phẩm tăng cao khi dịch tả lợn Châu Phi kéo dài từ đầu năm và bùng phát giữa năm.*
- ✓ *Với quan điểm thận trọng, Chính phủ xác định mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2020 đạt 6.8%; tốc độ tăng CPI bình quân dưới 4%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7%. Chúng tôi cho rằng triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn là tích cực và mục tiêu tăng trưởng GDP có thể đạt được. Sự giảm sút của xuất khẩu do nhu cầu toàn cầu yếu hơn có thể sẽ được bù đắp bởi tăng trưởng lực cầu nội địa, đặc biệt là khu vực tư nhân.*

BẢNG TÓM TẮT SỐ LIỆU VĨ MÔ THEO NĂM

	2015	2016	2017	2018	2019
Tăng trưởng GDP (%)	6.7%	6.2%	6.8%	7.1%	7.0%
CPI bình quân (%)	0.6%	2.7%	3.5%	3.5%	2.8%
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	7.9%	9.0%	21.2%	13.2%	8.1%
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	11.9%	5.1%	21.2%	11.1%	7.0%
Cán cân thương mại (tỷ USD)	(3.5)	2.5	2.9	6.8	9.9
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	14.5	15.8	17.5	19.1	20.4
Tăng trưởng tín dụng (%)	17.3%	18.7%	18.2%	13.9%	12.1%
Bội chi NSNN/GDP (%)	6.1%	5.5%	3.5%	3.7%	3.4%
Lãi suất TPCP 10 năm (%)	7.2%	6.4%	5.2%	5.1%	3.3%
Tỷ giá (VND/USD)	22,540	22,735	22,735	23,245	23,110

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Fiinpro, PHS tổng hợp

BẢNG TÓM TẮT SỐ LIỆU VĨ MÔ THEO THÁNG

	12/19	11/19	10/19	09/19	08/19	07/19	06/19	05/19	04/19	03/19	02/19	01/19	12/18
CPI (YoY)	5.23%	3.52%	2.24%	1.98%	2.26%	2.44%	2.16%	2.88%	2.98%	2.70%	2.64%	2.56%	2.98%
CPI (MoM)	1.40%	0.96%	0.59%	0.32%	0.28%	0.18%	-0.09%	0.49%	0.31%	-2.10%	0.80%	0.10%	-0.25%
PMI	50.8	51.0	50.0	50.5	51.4	52.6	52.5	52.0	52.5	51.9	51.2	51.9	53.8
IIP (YoY)	6.2%	5.4%	9.2%	10.2%	10.5%	9.7%	9.6%	10.0%	9.3%	9.1%	10.3%	7.9%	11.4%
IIP (MoM)	0.5%	-1.6%	2.7%	0.0%	5.4%	5.9%	1.3%	4.6%	0.6%	27.6%	-16.8%	-3.2%	1.4%
Tăng trưởng tín dụng*	n/a	n/a	n/a	9.4%	8.2%	7.5%	7.4%	5.8%	4.5%	3.1%	1.1%	1.9%	13.9%
Xuất khẩu (tỷ USD)	21.8	22.8	24.2	23.4	25.9	23.0	21.4	21.9	20.4	22.8	13.9	22.1	19.6
Nhập khẩu (tỷ USD)	22.8	21.3	22.4	21.7	22.5	22.9	19.5	23.2	21.0	21.2	14.7	21.3	20.4
Cán cân thương mại (tỷ USD)	-1.0	1.5	1.8	1.6	3.4	0.0	1.9	-1.3	-0.5	1.6	-0.8	0.8	-0.8
Vốn FDI thực hiện* (tỷ USD)	20.4	17.6	16.2	14.2	12.0	10.6	9.1	7.3	5.7	4.1	2.6	1.6	19.1
Vốn FDI đăng ký* (tỷ USD)	38.0	31.8	29.1	26.2	22.6	20.2	18.5	16.7	14.6	10.8	8.5	1.9	35.5

Nguồn: Tổng cục Thống kê, NHNN * Số liệu tích lũy đến thời điểm báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Nguyễn Hoàng Bảo Châu, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,

P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,

157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương,

Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân,

Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2,

364 Cộng Hòa, P. 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex,

19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,

18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải

Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801